TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày: 21/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Thẩm phán: Bà Phạm Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Phạm Thị Thà

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến, ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn T, sinh năm 1971 tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký thường trú: Thôn Ô, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Đặng Thị H; có vợ là Bàng Thị T1 (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/11/2022 bị Công an thành phố H xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích, đã nộp tiền phạt ngày 14/11/2022; bị tạm giữ từ ngày 27/02/2024 đến ngày 01/3/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Nguyễn Thế B - Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: Số A X, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn N (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Bà Phạm Thị M, sinh năm 1965

+ Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1987

+ Anh Nguyễn Văn N2, sinh năm 1990

Người đại diện theo ủy quyền của chị N1, anh N2: Bà Phạm Thị M

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Bàng Thị T1, sinh năm 1977

Nơi đăng ký thường trú: Thôn Ô, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện tại: Thôn P, xã N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nông Văn X, sinh năm 1988

+ Chị Lý Thị N3, sinh năm 1992

+ Ông Đặng Văn L, sinh năm 1961

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T và chị Bàng Thị T1 có quan hệ hôn nhân từ năm 1995 đến năm 2022 đã ly hôn. Sau khi ly hôn, T sống một mình tại thôn Ô, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương cùng 02 con, chị T1 thuê trọ tại nhà ông Đặng Văn L, sinh năm 1961, địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Chị T1 có quen biết với ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương là bảo vệ Công ty TNHH S nơi chị T1 làm công nhân. Do có lần nhìn thấy chị T1 và ông N đi chơi với nhau, T nghĩ chị T1 và ông N có tình cảm với nhau, chị T1 ly hôn để yêu ông N nên ghen tuông.

Chiều tối ngày 27/02/2024, sau khi uống rượu một mình ở nhà, T nảy sinh ý định đi tìm và giết ông N. Do biết chị T1 thuê trọ tại nhà ông L và nghĩ ông N ở cùng chị T1 nên T lấy 02 con dao (một dao bầu và một dao phay dạng chặt) có sẵn của gia đình giấu trong cốp xe máy hiệu YAMAHA TAURUS, biển số 34P6-6557 của T và điều khiển xe máy đến khu trọ của chị T1 thuê. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến sân khu trọ nhà ông Đặng Văn L, T dựng xe máy ở sân, mở cốp xe lấy con dao bầu mũi nhọn cất giấu vào phía trong áo khoác đang mặc rồi đi vào phòng trọ của chị T1. Thấy chị T1 đang ngồi ăn, uống cùng ông N và vợ chồng anh Nông Văn X và chị Lý Thị N3 (là công nhân ở cùng khu nhà trọ với chị T1), T hỏi *"thằng này là thằng nào"*, anh X nói *"bạn của cháu"*. T đi qua anh X đến vị trí ông N đang ngồi, cúi khom người từ phía sau dùng tay trái ôm, ghì cổ, kéo ông N ngả về phía sau, tay phải rút từ trong người ra con dao bầu mũi nhọn dài 31 cm một lưỡi sắc rộng nhất 07 cm đâm liên tiếp 02 nhát trúng vào vùng ngực phải của ông N theo chiều hướng từ dưới lên trên, từ trước ra sau. Thấy vậy anh X cùng chị N3 lao đến đẩy T ra, khống chế lấy được dao từ tay T, còn ông N bỏ chạy ra ngoài sân, đến cổng nhà ông L thì gục ngã, được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh H cấp cứu nhưng đã tử vong. T bị anh X, chị N3 và quần chúng nhân dân bắt giữ thu 01 con dao bầu là hung khí gây án và bàn giao cho

chính quyền xã N, thành phố H xử lý. Kết quả kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở của T là 0,557 mg/1lít.

Tại Kết luận giám định tử thi số 48/GĐPY ngày 29/02/2024, Phòng K - Công an tỉnh H kết luận đối với ông Nguyễn Văn N:

- Nguyên nhân chết: Mất máu cấp (vết thương ngực bụng: Rách bao tim, rách tâm nhĩ phải, rách cơ hoành phải, rách thùy gan phải).

- Trên cơ thể ông N có hai vết thương:

+ Vết thương vùng ngực phải cách đầu trong xương đòn 10 cm, cách đường giữa 2,5cm. Vết thương làm rách cơ ngực lớn, cơ liên sườn 4,5,6, rách bao tim, rách tâm nhĩ phải, rách mặt trên cơ hoành phải, rách mặt trên thùy gan phải. Vết thương có hướng từ dưới lên trên, từ trước ra sau, do vật sắc nhọn gây nên là phù hợp.

+ Vết thương hình cung ngực phải cách hõm nách 5cm. Vết thương làm lộ tổ chức cân cơ vùng ngực, không thông khoang ngực. Vết thương có hướng từ dưới lên trên, từ trước ra sau, do vật sắc nhọn gây nên là phù hợp.

- Với các tổn thương trên cơ thể ông Nguyễn Văn N nếu được cấp cứu kịp thời có thể vẫn tử vong.

Tại Kết luận giám định số 1883/KL-KTHS ngày 11/4/2024, V, Bộ C1 kết luận: Trên con dao gửi giám định có máu người và là máu của ông Nguyễn Văn N.

Tại Cáo trạng số 32/CT-VKSHD-P2 ngày 10/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố Phạm Văn T tội "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 39 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Giết người", xử phạt bị cáo tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho đại diện bị hại: Chi phí cứu chữa là 2.539.621 đồng; chi phí mai táng là 73.296.379 đồng; bù đắp tổn thất tinh thần 180.000.000 đồng. Tổng cộng là 255.836.000 đồng. Về vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy 02 con dao và mẫu máu hoàn lại sau giám định; tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước 01 xe máy; trả lại cho bị cáo 01 Căn cước công dân. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo khai nhận hành vi như đã nêu trên và đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo xác định có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; bị cáo đã cố gắng liên hệ để gia đình bồi thường cho bị cáo nhưng không có điều kiện để liên hệ do các con của bị cáo đi làm ăn xa. Điều kiện kinh tế của bị cáo khó khăn đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề bồi thường theo quy định của pháp luật. Bị cáo không đề nghị nhận lại con dao phay và đề nghị được nhận lại căn cước công dân.

Chiếc xe mô tô bị cáo sử dụng đi đến khu trọ của chị T1 là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bị cáo và chị T1 chưa phân chia khi ly hôn. Bị cáo đề nghị được nhận lại chiếc xe.

- Người bào chữa nhất trí với tội danh và điều luật, tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt theo luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt nghiêm khắc với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự đại diện bị hại tự nguyện chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 200.000.000đồng.

- Chị Bàng Thị T1 trình bày sự việc và hành vi bị cáo đã thực hiện và chị chứng kiến được như nội dung cáo trạng đã nêu. Chị T1 xác định chiếc xe mô tô bị cáo sử dụng đi đến khu trọ của chị T1 ngày 27/02/2024 là tài sản chung của bị cáo và chị T1 chưa phân chia. Trường hợp Tòa án tịch thu chiếc xe chị T1 hoàn toàn đồng ý. Trường hợp Tòa án trả lại chiếc xe thì đề nghị trả cho bị cáo. Chị T1 không tranh chấp và không đòi quyền lợi liên quan đến chiếc xe trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ chiếc xe mô tô Yamaha biển số 34P6-6557 là phương tiện bị cáo sử dụng đi đến khu trọ của chị T1 ngày 27/02/2024. Tại phiên tòa, bị cáo và chị T1 cùng xác định chiếc xe mô tô là tài sản chung của chị T1 và bị cáo T phát sinh trong thời kì hôn nhân và chưa phân chia khi ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định chị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của những người làm chứng, nội dung biên bản khám nghiệm tử thi, khám nghiệm hiện trường, hình ảnh camera thu giữ tại hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ghen tuông cho rằng vợ cũ là chị Bàng Thị T1 (đã ly hôn từ năm 2022) có quan hệ nam nữ với ông Nguyễn Văn N, khoảng 18 giờ 45 phút, ngày 27/02/2024, tại khu vực phòng trọ của chị T1 tại thôn P, xã N, thành phố H, Phạm Văn T đã dùng dao bầu mũi nhọn dài 31 cm một lưỡi sắc đâm liên tiếp 02 phát trúng ngực phải của ông N làm ông N bị chết do mất máu cấp bởi vết thương ngực bụng làm rách bao tim, rách tâm nhĩ phải, rách cơ hoành phải, rách thùy gan phải. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho

xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, trước đó không có quan hệ, mâu thuẫn với ông N, chỉ vì ghen tuông vô cớ bị cáo chuẩn bị dao bầu, tìm đâm vào vùng ngực tước đoạt tính mạng của ông N. Hành vi của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác và đủ yếu tố cấu thành tội "Giết người" thuộc trường hợp "Có tính chất côn đồ" quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng năm 2022 đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích (dùng dao đâm chị Bàng Thị T1 thương tích 02%).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo không những tước đi tính mạng của bị hại, gây mất mát đau thương cho gia đình bị hại mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội không thời hạn để trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo gây thiệt hại tính mạng cho bị hại nên phải có trách nhiệm bồi thường cho đại diện bị hại. Do giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại không thỏa thuận được mức bồi thường nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để xác định trách nhiệm bồi thường của bị cáo, cụ thể:

[6.1] Chi phí cho việc cứu chữa bị hại: Đại diện bị hại xuất trình hóa đơn thể hiện chi phí cho việc cứu chữa bị hại (viện phí) là 2.539.621 đồng. Đây là chi phí thực tế, có hóa đơn đầy đủ nên được chấp nhận.

[6.2] Chi phí mai táng bị hại: Đại diện bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 73.296.379 đồng và xuất trình đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh nên được chấp nhận.

[6.3] Về khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: Hành vi phạm tội của bị cáo gây tổn thất về tinh thần cho đại diện hợp pháp của bị hại nên cần có một khoản tiền bù đắp sự tổn thất này cho những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của bị hại gồm: Bà M, chị N1 và anh N2. Với tính chất và hậu quả của hành vi bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử xác định mức chi phí bù đắp tổn thất tinh thần cho đại diện bị hại tương đương 100 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là 180.000.000 đồng.

[6.4] Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại là 255.836.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện bị hại tự nguyện chỉ yêu cầu bị cáo

bồi thường số tiền 200.000.000đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của đại diện bị hại.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 con dao bầu là công cụ phạm tội, 01 con dao không còn giá trị sử dụng và các mẫu máu hoàn lại sau giám định không có giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy. Đối với 01 xe mô tô biển số 34P6-6557 là phương tiện đi lại của bị cáo, không dùng vào việc phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo và chị T1 thống nhất đề nghị trả lại xe cho bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo nhưng giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương quản lý để đảm bảo thi hành án; 01 căn cước công dân là giấy tờ tùy thân của bị cáo cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8]. Về án phí: Bị cáo phạm tội và phải bồi thường dân sự nên phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 39, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Giết người".

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T tù chung thân, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 27/02/2024.

4. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của đại diện hợp pháp của bị hại, buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại do bà Phạm Thị M đại diện nhận số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về vật chứng:

5.1. Tịch thu cho tiêu hủy 02 con dao và mẫu máu hoàn lại sau giám định. Trả lại bị cáo T 01 xe mô tô Yamaha biển số 34P6-6557 nhưng giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương quản lý để đảm bảo cho việc thi hành án. Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/5/2024 giữa Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5.2. Trả lại cho bị cáo T 01 Căn cước công dân số 030071007177 (hiện lưu trong hồ sơ vụ án).

6. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- PC02 - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Vụ GĐKT I - TANDTC;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Đại diện bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS, THS, Phòng KTNV&THA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Hiệu